

Số: 2363/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận thí sinh trúng tuyển nhập học đại học hệ chính quy
là sinh viên chính thức của Trường Đại học Nông Lâm năm 2019**

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 04/VBHN-BGDĐT ngày 07/5/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2019 (đợt 1) theo kết quả thi THPT quốc gia năm 2019; Quyết định số 1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019 của Trường Đại học Nông Lâm về việc công nhận thí sinh trúng tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ) năm 2019;

Xét đề nghị của Trưởng ban Ban Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 360 (ba trăm sáu mươi) thí sinh trúng tuyển nhập học đại học hệ chính quy năm 2019 là sinh viên chính thức của Trường Đại học Nông Lâm, bao gồm: 62 thí sinh trúng tuyển theo kết quả thi THPT quốc gia năm 2019, 298 thí sinh trúng tuyển theo kết quả học tập THPT (học bạ).

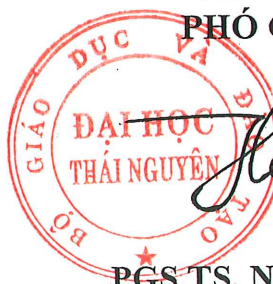
Danh sách sinh viên đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Các sinh viên có tên kèm theo ở Điều 1 có trách nhiệm thực hiện đúng Quy chế Đào tạo, Quy chế công tác học sinh sinh viên, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Nông Lâm.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Ban Đào tạo, Hiệu trưởng Trường Đại học Nông Lâm, Thủ trưởng đơn vị liên quan thuộc Đại học Thái Nguyên và các sinh viên có tên kèm theo ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 
- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT, Ban ĐT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



PGS.TS. Nguyễn Hữu Công

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN NHẬP HỌC ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY NĂM 2019
ĐƯỢC CÔNG NHẬN LÀ SINH VIÊN CHÍNH THỨC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM**

(Kèm theo Quyết định số: 2363/QĐ-ĐHTN ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
1	DTN1951140003	085923821	MA THẾ HUẤN	13/04/1999	Nam	Tày	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
2	DTN1951140001	071084954	LÝ THỊ MÁY	28/12/2001	Nữ	Dao	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
3	DTN1951140002	071084891	NÔNG THỊ NẾT	28/10/2001	Nữ	Tày	Kinh doanh nông nghiệp	7620114	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
4	DTN1951030005	095270038	HOÀNG TUẤN ANH	05/10/2001	Nam	Tày	Bất động sản	7340116	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
5	DTN1951030004	095246340	TRIỆU VĂN ĐẠI	01/05/1997	Nam	Dao	Bất động sản	7340116	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
6	DTN1951030003	061115166	SÂM VĂN DUẤN	26/07/2001	Nam	Tày	Bất động sản	7340116	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
7	DTN1951030006	093020377	DƯƠNG NGỌC ĐỨC	09/12/2000	Nam	Tày	Bất động sản	7340116	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
8	DTN1951030001	091920900	NGUYỄN HUY HOÀNG	08/04/2001	Nam	Kinh	Bất động sản	7340116	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
9	DTN1951030007	091903342	CAO MẠNH NAM	03/06/2001	Nam	Kinh	Bất động sản	7340116	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
10	DTN1951030002	03577469	LÒ A VANG	10/03/2001	Nam	H'Mông	Bất động sản	7340116	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
11	DTN1954060001	071096577	HOÀNG THỊ HƯƠNG GIANG	20/06/2001	Nữ	Nùng	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
12	DTN1953150004	030301001706	TẶNG THỊ LAN ANH	12/06/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ sinh học	7420201	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
13	DTN1953150001	091906354	DƯƠNG MẠNH DŨNG	20/11/2001	Nam	Kinh	Công nghệ sinh học	7420201	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
14	DTN1953150005	091720687	PHẠM LÊ GIANG	23/06/1997	Nữ	Kinh	Công nghệ sinh học	7420201	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
15	DTN1953150002	091883965	LÊ HOÀNG	08/09/2001	Nam	Tày	Công nghệ sinh học	7420201	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
16	DTN1953070013	091975128	DƯƠNG KIM NGÂN	16/09/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ sinh học	7420201	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
17	DTN1953150006	030301010204	NGUYỄN THỊ BÍCH	09/08/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ sinh học	7420201	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
18	DTN1953150003	091899335	LƯU THỊ	20/01/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ sinh học	7420201	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
19	DTN1953170002	092015342	ĐÀO SỸ	11/01/2001	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
20	DTN1953170005	044201005069	NGUYỄN THÀNH	10/07/2001	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
21	DTN1953170015	091989230	MÔNG THÀNH	16/03/2001	Nam	Tày	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
22	DTN1953170006	091884122	ĐÀO NGUYỄN	29/10/2000	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
23	DTN1953170003	091939508	TẠ QUANG	20/08/2001	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
24	DTN1953170014	091917871	TRẦN THỊ THÚY	21/11/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
25	DTN1953170001	034031008920	NGUYỄN THỊ	15/04/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
26	DTN1953170008	091977246	LẠI THỊ LÂM	14/01/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
27	DTN1953170020	122382184	PHÙNG THỊ	20/02/2001	Nữ	Nùng	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
28	DTN1953170016	085504306	LÝ THỊ TRÀ	01/03/2001	Nữ	Tày	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
29	DTN1953170011	091898292	ÁU THỊ	16/10/2001	Nữ	Sán Chì	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
30	DTN1953170010	091905950	ĐỖ XUÂN	10/03/2001	Nam	Sán Dìu	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
31	DTN1953170013	091898562	NGUYỄN CHÍ	30/10/2001	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
32	DTN1953170012	092000353	TRẦN HUỖN	16/01/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
33	DTN1953170009	091947917	LƯƠNG THÚY	26/12/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
34	DTN1953170017	092012617	TRỊNH ANH	19/09/1999	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
35	DTN1953170007	092010943	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	16/04/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
36	DTN1953170004	037201005318	LÊ SỸ	11/10/2001	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo (CTTT)	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
37	DTN1954190009	091884045	HOÀNG TUẤN ANH	21/08/2001	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
38	DTN1954190008	092001543	NGUYỄN THỊ ÁNH CÚC	30/11/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
39	DTN1954190010	091883921	LƯU HẢI ĐĂNG	25/01/2001	Nam	Sán Diu	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
40	DTN1954190012	092014860	VŨ NGỌC THUY DUNG	07/08/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
41	DTN1954190018	092012855	PHAN THỊ HỒNG HẠNH	30/10/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
42	DTN1954190011	092001228	NGUYỄN THẾ KIÊN	13/10/2001	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
43	DTN1954190004	091961934	NGÔ NGỌC LAN	25/12/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
44	DTN1954190016	034301006127	PHẠM TRANG NHUNG	08/08/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
45	DTN1954190003	092007707	DƯƠNG THỊ NGỌC NỮ	05/03/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
46	DTN1954190001	091937391	NGUYỄN THỊ THANH	31/05/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
47	DTN1954190005	091971408	LÊ XUÂN THANH	06/02/2001	Nam	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
48	DTN1954190013	091879037	CHU LÊ HUỖN TRẦN	13/04/2000	Nam	Nùng	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
49	DTN1954190006	092006243	NGUYỄN THỊ TRANG	11/04/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
50	DTN1954190007	082368506	VI THỊ XOAN	21/08/2001	Nữ	Tày	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
51	DTN1954190002	034301003210	LẠI HẢI YẾN	12/09/2001	Nữ	Kinh	Công nghệ thực phẩm (CTTT)	7905419	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
52	DTN1953040012	082386602	DU QUỲNH ANH	04/10/2001	Nữ	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
53	DTN1953050022	061108805	MÙA A CẦU	15/07/2001	Nam	H'Mông	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
54	DTN1953040014	001201027808	NGUYỄN VĂN CUÔNG	27/08/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
55	DTN1953040026	091923397	TRẦN TIẾN ĐẠT	10/07/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
56	DTN1953040054	122414951	NGUYỄN THỊ HỒNG DUNG	22/01/2001	Nữ	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
57	DTN1953040005	092012507	TÙ VẤN	08/11/2001	Nam	Sán Dìu	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
58	DTN1953040035	122336183	TRẦN VĂN	22/05/2001	Nam	Hoa	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
59	DTN1953040032	092001163	KIỀU TRƯỜNG	09/04/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
60	DTN1953040028	085103984	SÀM VĂN	03/08/2001	Nam	Nùng	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
61	DTN1953040011	092015748	NGÔ DUY	17/05/2001	Nam	Sán Dìu	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
62	DTN1953040013	085926052	VI VĂN	27/10/2001	Nam	Nùng	Chăn nuôi	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
63	DTN1953040004	091946950	TRẦN VINH	14/10/2001	Nam	Sán Dìu	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
64	DTN1953040070	953040070	PHAN QUỐC	05/03/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
65	DTN1953040036	091882399	LA LINH	22/12/1999	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
66	DTN1953040060	092003298	VI THỊ	07/10/2001	Nữ	Nùng	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
67	DTN1953040010	091949493	ĐÀM THỊ	24/12/2001	Nữ	Nùng	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
68	DTN1953040015	085931924	NGUYỄN HỒNG	12/04/2001	Nam	Nùng	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
69	DTN1953040059	091898840	ĐÀO THỊ	14/03/2001	Nữ	Tày	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
70	DTN1953040050	073614373	SÙNG MÍ	02/04/2001	Nam	Mông	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
71	DTN1953040071	035201003210	TRẦN VĂN	26/04/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
72	DTN1953040048	092061600	NGUYỄN ĐÌNH	17/06/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
73	DTN1953040029	051106819	VÀ THỊ	12/02/2001	Nữ	H'Mông	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
74	DTN1953040037	113781931	LÝ THÁI	22/02/2001	Nam	Dao	Chăn nuôi	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
75	DTN1953040043	092004184	LÊ THANH	29/07/2000	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
76	DTN1953040031	091884075	NGUYỄN QUANG	11/01/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
77	DTN1953040041	187777195	NGUYỄN CÔNG THẮNG	30/09/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
78	DTN1953040046	071083112	ĐỖ HOÀI THƯƠNG	06/01/2001	Nữ	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
79	DTN1953050008	091921826	ĐỖ SƠN TRƯỜNG	05/06/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
80	DTN1953040002	001201023983	NGUYỄN NAM TRƯỜNG	28/08/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
81	DTN1953040008	091919873	LÊ VĂN VỊ	31/10/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
82	DTN1953040038	071047884	SÙNG VĂN VĨNH	23/05/1999	Nam	H'Mông	Chăn nuôi	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
83	DTN1953040039	045232988	ĐÔNG ĐỨC MẠNH	25/09/2001	Nam	Thái	Chăn nuôi	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
84	DTN1953040052	082369050	HOÀNG QUYẾT TRÍ	28/07/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
85	DTN1953040034	085941063	ĐINH QUANG VINH	06/05/2001	Nam	Tày	Chăn nuôi	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
86	DTN1953040049	091949773	HÀ THỊ KIM ANH	20/02/2001	Nữ	Tày	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
87	DTN1953040021	091915462	TRẦN VĂN CHỈNH	17/02/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
88	DTN1953040053	092013982	TRẦN THÀNH CÔNG	23/10/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
89	DTN1953040044	113703907	BÙI VĂN CƯỜNG	07/11/2000	Nam	Mường	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
90	DTN1953040001	092001171	HUỖNH THÀNH ĐẠT	05/11/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
91	DTN1953040020	091923901	TRẦN HẢI DƯƠNG	09/12/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
92	DTN1953040033	091987480	LAO TÙNG DƯƠNG	29/10/2000	Nam	Nùng	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
93	DTN1953040009	092061369	ĐỖ THỊ GIANG	24/02/2001	Nữ	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
94	DTN1953040042	091988330	HOÀNG THỊ HẠNH	13/09/2001	Nữ	Nùng	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
95	DTN1953040047	091883913	ĐÀO THỊ HIỀN	17/06/2001	Nữ	Tày	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
96	DTN1953040016	092011558	LÝ HOÀNG HƯƠNG	02/08/2001	Nữ	Sán Dìu	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
97	DTN1953040025	122334716	NGUYỄN QUANG KHẢI	11/08/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
98	DTN1953040045	092002083	ĐẶNG ĐÌNH PHƯƠNG LAM	06/11/2000	Nữ	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
99	DTN1953050021	085902682	NÔNG THỦY MIỀN	18/08/2001	Nữ	Tày	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
100	DTN1953040040	095259825	TRẦN VĂN NGHIẾP	01/01/1998	Nam	Tày	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
101	DTN1953040017	095293074	LÊ THỊ HỒNG NHUNG	28/07/2001	Nữ	Nùng	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
102	DTN1953040024	092000921	TRỊNH THU PHƯƠNG	02/11/2001	Nữ	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
103	DTN1953040019	184378827	TRẦN VĂN QUỐC	03/09/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
104	DTN1953040027	091884074	NGÔ VĂN TÂN	01/09/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
105	DTN1953040006	091752258	NGUYỄN VĂN THẮNG	21/08/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
106	DTN1953040007	095295334	MA ĐÌNH THIÊN	06/10/2001	Nam	Tày	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
107	DTN1953040030	031201006123	VŨ VĂN TIỀN	05/07/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
108	DTN1953040055	091948090	DƯƠNG VĂN TOÀN	05/06/2000	Nam	Sán Dìu	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
109	DTN1953040023	091924955	LÊ THỊ TRANG	19/03/2001	Nữ	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
110	DTN1953040051	091899050	DƯƠNG PHÚC TRƯỜNG	11/10/2001	Nam	Dao	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
111	DTN1953040003	092060752	HOÀNG VIỆT TRƯỜNG	09/09/2001	Nam	Sán Dìu	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
112	DTN1953040018	091936652	PHẠM THANH TÙNG	21/10/2001	Nam	Kinh	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
113	DTN1953040022	091898289	ĐỖ THỊ HỒNG VÂN	02/03/2001	Nữ	Nùng	Chăn nuôi (POHE)	7620105	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
114	DTN1951060008	091937198	ĐÀO VĂN CÔNG	17/03/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
115	DTN1951060003	085945104	VƯƠNG TÚY DIỆU	15/08/2001	Nam	Nùng	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
116	DTN1951060016	022301004456	NGÔ THỊ HẠNH	01/02/2001	Nữ	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
117	DTN1951060012	038201011260	ĐỖ VĂN HUY	06/05/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
118	DTN1951060002	091923663	ĐÀO QUANG KHÁI	28/07/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
119	DTN1951060004	122354109	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	17/08/2001	Nữ	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
120	DTN1951060006	026301003031	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	07/10/2001	Nữ	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
121	DTN1951060017	026301002223	TRẦN THỊ TÂM	12/08/2001	Nữ	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
122	DTN1951060007	001201009407	NGUYỄN LÊ THIẾT	24/10/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
123	DTN1951060013	038201013580	ĐỖ VĂN TOÀN	05/07/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
124	DTN1951060010	092015664	PHẠM MINH TUẤN	19/11/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
125	DTN1951060011	091931332	VŨ VĂN TUYỀN	03/05/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
126	DTN1951060001	026201002892	BÙI ĐỨC Ý	05/01/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
127	DTN1951060009	091931352	ĐẶNG THỊ YẾN	11/01/2001	Nữ	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540106	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
128	DTN1951060005	092041030	VI VĂN HẢI	18/04/2001	Nam	Nùng	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7540101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
129	DTN1951060014	091978292	TRẦN LƯƠNG THẢO	24/02/2001	Nam	Kinh	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
130	DTN1951200002	092000326	NGUYỄN QUỲNH ANH	12/01/2001	Nữ	Kinh	Kinh doanh quốc tế	7340120	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
131	DTN1951200001	092006095	HÀ THỊ HUYỀN	08/05/2001	Nữ	Kinh	Kinh doanh quốc tế	7340120	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
132	DTN1954110005	091936350	DƯƠNG MINH ĐÔNG	25/01/2001	Nam	Kinh	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
133	DTN1954110007	091478318	PHẠM DOÁN HOÀI	09/04/2001	Nam	Kinh	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
134	DTN1954110009	095215852	CHU VĂN HOÀNG	18/01/1997	Nam	Tây	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
135	DTN1954110008	092014194	TRẦN GIA HUY	12/03/2001	Nam	Kinh	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
136	DTN1954110006	051065618	MŨA THỊ KIA	23/02/2001	Nữ	H'Mông	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
137	DTN1954110011	091899072	PHẠM NINH	08/10/2001	Nam	Kinh	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
138	DTN1954110003	091899299	NGÔ HOÀNG	16/08/2001	Nam	Kinh	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
139	DTN1954110010	085703466	PHÙNG VĂN	19/01/2001	Nam	Dao	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
140	DTN1954110004	091956643	NGUYỄN MINH	24/05/2001	Nam	Tày	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
141	DTN1954110001	095264198	DƯƠNG THỊ	01/02/2000	Nữ	Mông	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
142	DTN1954110002	034301008888	NGUYỄN THANH	26/10/2001	Nữ	Kinh	Kinh tế nông nghiệp	7620115	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
143	DTN1954280002	022201004986	NGUYỄN DUY	26/07/2001	Nam	Kinh	Kinh tế nông nghiệp	7905419	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
144	DTN1954280005	022301006022	HOÀNG HẢI	18/08/2001	Nữ	Tày	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)	7906425	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
145	DTN1954280003	091977077	TRẦN PHƯƠNG	04/01/2001	Nam	Nùng	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)	7906425	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
146	DTN1954280001	091947281	LÊ TRUNG	11/11/2001	Nam	Kinh	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)	7906425	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
147	DTN1954280004	073573368	TRIỆU TIẾN	06/06/2001	Nam	Kinh	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)	7906425	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
148	DTN1954280007	954280007	TRẦN THỊ	18/10/2001	Nữ	Kinh	Kinh tế nông nghiệp (CTTT)	7906425	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
149	DTN1953110021	045258859	VÀNG VĂN	13/07/2001	Nam	Dao	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
150	DTN1953110007	091962830	MA THỊ	09/07/2001	Nữ	Tày	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
151	DTN1953110019	092000722	LÊ MINH	21/06/2001	Nam	Sán Dìu	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
152	DTN1953110005	095289737	LÝ THỊ	18/07/2001	Nữ	Tày	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
153	DTN1953110014	092006172	NGÔ THANH	09/01/2001	Nam	Kinh	Khoa học môi trường	7440301	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
154	DTN1953110002	045270541	HÀNG A	26/11/2001	Nam	H'Mông	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
155	DTN1953110025	091921005	DƯƠNG THỊ	23/12/2001	Nữ	Kinh	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
156	DTN1953110003	061151453	VÀNG A	09/05/2001	Nam	Mông	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
157	DTN1953110010	091884897	NGUYỄN ĐỨC QUỲNH MAI	29/11/2001	Nữ	Tây	Khoa học môi trường	7440301	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
158	DTN1953110006	045274832	MÀNG THỊ MÂY	18/12/2001	Nữ	Thái	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
159	DTN1953110011	095281474	TÁ KIM NGÂN	14/05/2001	Nam	Tày	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
160	DTN1953110004	061148736	SÂM ANH NGŨ	19/05/2000	Nam	Thái	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
161	DTN1953110016	071101446	ĐÌNH PHƯƠNG THẢO	05/05/2001	Nữ	Dao	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
162	DTN1953110017	091988379	VƯƠNG THỊ THU THẢO	29/10/2001	Nữ	Nùng	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
163	DTN1953110015	071110384	LÝ THANH THIÊN	14/11/2001	Nam	Tây	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
164	DTN1953110008	091985734	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	07/04/2001	Nữ	Thanh	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
165	DTN1953110018	092013720	NGUYỄN MINH TÙNG	17/04/2001	Nam	Tây	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
166	DTN1953110009	091986682	TRIỆU THỊ THUY VÂN	09/08/2001	Nữ	Dao	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
167	DTN1953110012	095285843	ĐẶNG QUÝ VIỆT	20/10/2001	Nam	Dao	Khoa học môi trường	7440301	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
168	DTN1953110013	095269682	NGUYỄN VĂN VŨ	23/03/2001	Nam	Tây	Khoa học môi trường	7440301	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
169	DTN1953110001	061135977	LÝ THỊ KHÁCH ANH	25/02/2001	Nữ	Dao	Khoa học môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
170	DTN1954290009	092005906	LÊ VIỆT ANH	16/12/2001	Nam	Kinh	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
171	DTN1954290012	092000565	NGUYỄN HOÀNG ĐỨC ANH	15/09/2001	Nam	Tây	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
172	DTN1954290004	061138528	ĐÀO KIM CHI	30/04/2001	Nữ	Kinh	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
173	DTN1954290002	092015665	PHẠM TIẾN ĐẠT	10/03/2001	Nam	Kinh	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
174	DTN1954290007	091871242	PHẠM NHẬT HÙNG	10/10/1998	Nam	Kinh	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
175	DTN1954290011	092001180	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	10/11/2001	Nam	Kinh	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
176	DTN1954290010	001201031501	HOÀNG TRUNG NGUYỄN	15/05/2001	Nam	Kinh	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
177	DTN1954290001	092002203	NGUYỄN QUÝ TÙNG	05/09/2001	Nam	Kinh	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
178	DTN1954290005	082361987	HOÀNG THỊ YẾN	10/11/2001	Nữ	Nùng	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
179	DTN1954290003	030301003716	VŨ THỊ HẢI YẾN	18/11/2001	Nữ	Kinh	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
180	DTN1954290008	095284136	TRƯỜNG THỊ YẾN	27/03/2000	Nữ	Tày	Khoa học và quản lý môi trường (CTTT)	7904492	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
181	DTN1953060004	040549843	QUÀNG VĂN ĐẠT	21/09/2001	Nam	Thái	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
182	DTN1953060005	040635139	SÙNG THỊ DỖ	07/10/2001	Nữ	Mông	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
183	DTN1953060001	045223584	GIĂNG A DUA	02/01/2000	Nam	H'Mông	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
184	DTN1953060003	040631858	KIÊN KIÊN HÙNG	04/12/1997	Nam	Hà nhĩ	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
185	DTN1953060006	085942082	ĐÌNH TRỌNG NGHĨA	29/09/2001	Nam	Tày	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
186	DTN1953060013	040634646	KHOÀNG THANH PHƯƠNG	19/10/2001	Nam	Hà nhĩ	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
187	DTN1953060007	085942166	NÔNG THẾ THỊNH	19/07/2001	Nam	Tày	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
188	DTN1953060002	085931901	NGUYỄN HOÀNG TRANG	04/02/2001	Nữ	Tày	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
189	DTN1953060008	082347745	TRIỆU XUÂN TRƯỜNG	03/07/2001	Nam	Nùng	Lâm sinh	7620205	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019 đợt 1	Theo kết quả thi THPT
190	DTN1953060010	095275635	HÀ VĂN VINH	01/07/2001	Nam	Tày	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
191	DTN1953060016	040906952	CHÁO SAN XIÊU	07/05/2001	Nam	Dao	Lâm sinh	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
192	DTN1951010009	092016955	NGUYỄN THANH BÌNH	18/06/2001	Nam	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
193	DTN1951010006	073614364	VŨ MÍ CHÁ	12/09/2001	Nam	Mông	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
194	DTN1951010002	092015067	NGÔ QUỐC ĐẠI	31/03/2001	Nam	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
195	DTN1951010012	038201017605	NGUYỄN ĐỨC ĐẠT	20/04/2001	Nam	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
196	DTN1951010017	091950179	NGUYỄN TRỌNG ĐẠT	27/10/2001	Nam	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
197	DTN1951010005	03091948365	DIỆP HUY	21/10/2000	Nam	Sán Dìu	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
198	DTN1951010014	095289699	MA THẾ	12/05/2001	Nam	Tày	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
199	DTN1951010010	091864466	NGUYỄN VĂN HUNG	01/11/1997	Nam	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
200	DTN1951010015	092008950	ĐẶNG MINH LẬP	06/09/2000	Nam	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
201	DTN1951010001	092011673	PHẠM LONG NHẬT	07/09/2001	Nam	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
202	DTN1951010008	092001657	NGUYỄN THỊ HỒNG PHƯƠNG	28/09/2001	Nữ	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
203	DTN1951010013	095271778	TÔ MAI TOÀN	16/11/2001	Nam	Tày	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
204	DTN1951010004	091976641	NGUYỄN THÀNH TRUNG	04/11/2001	Nam	Tày	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
205	DTN1951010003	051113424	THẢO A TỬA	01/01/2001	Nam	Móng	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
206	DTN1951010007	0511179532	BÀN VĂN TUẤN	08/07/2001	Nam	Dao	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
207	DTN1951010011	091892835	NGUYỄN THANH TÙNG	26/03/1999	Nam	Kinh	Nông nghiệp	7620101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
208	DTN1954120016	122362992	NGÔ VĂN ĐẠI	11/12/2000	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
209	DTN1954120010	092000881	NGUYỄN VĂN DŨNG	15/11/2001	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
210	DTN1954120022	045211448	LÊ THỊ HƯƠNG GIANG	30/07/2001	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
211	DTN1954120028	954120028	ĐÀO TRUNG HIẾU	15/11/1999	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
212	DTN1954120005	092020425	LƯƠNG CÔNG HÒA	27/06/2001	Nam	Nùng	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
213	DTN1954120020	091917632	TRẦN THỊ HUỖNG	05/01/2001	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
214	DTN1954120015	095279687	LÊNG ĐỨC KIÊN	28/10/2001	Nam	Dao	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
215	DTN1954120030	954120030	ĐÌNH LÊ KHÁNH LINH	28/08/1999	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
216	DTN1954120018	082356224	HOÀNG NGỌC MAI	17/08/2001	Nữ	Tày	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
217	DTN1954120017	091877944	VŨ THẾ MẠNH	05/10/1997	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
218	DTN1954120012	092001034	CHU NGỌC MINH	09/12/2001	Nữ	Tày	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
219	DTN1954120027	085932510	DƯƠNG VĂN NĂNG	18/08/2000	Nam	Tày	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
220	DTN1954120003	091920477	ĐOÀN VIỆT NGÂN	12/12/2001	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
221	DTN1954120021	091946261	MẠC THỊ HỒNG NHUNG	14/07/2000	Nữ	Sán Dìu	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
222	DTN1954120006	095279306	NÔNG QUỐC OAI	09/10/2001	Nam	Tày	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
223	DTN1954120008	091958850	LÊ ANH QUÂN	31/03/2001	Nam	Tày	Quản lý đất đai	7850103	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
224	DTN1954120013	091868197	TRIỆU VĂN QUYẾT	15/09/1996	Nam	Dao	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
225	DTN1954120029	954120029	HÀNG A SU	04/07/1998	Nam	H'Mông	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
226	DTN1954120011	091948795	VŨ THÀNH THẮNG	24/05/2001	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
227	DTN1954120001	091897857	VŨ ĐỨC THANH	06/04/2001	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
228	DTN1954120007	026201004340	NGUYỄN VĂN THÀNH	01/11/2001	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
229	DTN1954120023	091884896	BÙI SỸ MINH THÀNH	20/11/2001	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
230	DTN1954120014	132460348	NGÔ THỊ PHƯƠNG THẢO	03/02/2001	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
231	DTN1954120019	001301009359	NGUYỄN THỊ THÙY TRANG	23/06/2001	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
232	DTN1954120002	091950028	BÙI QUANG TRƯỞNG	10/10/2001	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
233	DTN1954120004	022201002633	VŨ VĂN TÙNG	21/12/2001	Nam	Kinh	Quản lý đất đai	7850103	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
234	DTN1953060012	095274379	VƯƠNG THÚY VÂN	02/03/2001	Nữ	Tày	Quản lý đất đai	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
235	DTN1954120009	092000398	MAI THU QUỲNH	10/05/2001	Nữ	Kinh	Quản lý đất đai	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
236	DTN1953160016	095287180	HÀU VĂN BÌNH	28/06/2000	Nam	Mông	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
237	DTN1953160010	040638529	GIÀNG XẾ CÀ	27/01/2001	Nam	Hà nhĩ	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
238	DTN1953160008	085504627	HOÀNG HUỖNH ĐỨC	23/08/2001	Nam	Tây	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
239	DTN1953160002	091972206	BÙI TÙNG	30/05/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
240	DTN1953160014	071088872	NGUYỄN THẢO	17/11/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
241	DTN1953160007	095300340	TRIỆU VIỆT	21/08/2001	Nam	Tây	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
242	DTN1953160009	092005324	PHẠM TUẤN	30/08/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
243	DTN1953160015	071080325	VŨ THỊ NGỌC	01/07/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
244	DTN1953160005	085927808	NÔNG VĂN	18/03/2001	Nam	Nùng	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
245	DTN1953160011	953160011	LÒ VĂN	06/09/2000	Nam	Thái	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
246	DTN1953160006	095276284	SÙNG VĂN	17/11/1998	Nam	Mông	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
247	DTN1953160012	038201010592	PHẠM TRƯỜNG	19/10/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
248	DTN1953160017	040635156	PỒ XỨ	02/09/2001	Nam	Hà nhĩ	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
249	DTN1953160004	037201005041	LÊ ĐỨC	28/08/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
250	DTN1953160003	040463482	CHANG CÀ	15/10/1996	Nam	Hà nhĩ	Quản lý tài nguyên rừng	7620211	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
251	DTN1953160001	040634490	LÝ PHÍ	07/11/2001	Nam	Hà nhĩ	Quản lý tài nguyên rừng	7620205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
252	DTN1958510002	091934982	DƯƠNG THỊ MINH	13/06/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
253	DTN1958510008	09212992	PHẠM LÂM	20/04/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
254	DTN1958510037	092000394	NGUYỄN NGỌC	16/09/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
255	DTN1958510036	958510036	SÙNG THỊ	12/07/2000	Nữ	HMông	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
256	DTN1958510020	095299758	HOÀNG VĂN	15/11/1999	Nam	Mông	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
257	DTN1958510012	071076181	HOÀNG VĂN ĐỘI	01/10/2001	Nam	Tày	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
258	DTN1953060011	073469334	LÔ MỘNG ĐUỘC	26/12/2001	Nam	Ngan	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
259	DTN1958510018	085922159	LÂM THIÊN DƯƠNG	17/07/2001	Nam	Nùng	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
260	DTN1958510035	073575467	HOÀNG THỊ DUYỀN	09/05/2001	Nữ	Giáy	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
261	DTN1958510029	091884059	NGUYỄN THU HÀ	22/03/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
262	DTN1958510034	187856342	HỒ THỊ HOA	19/03/2001	Nữ	Thổ	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
263	DTN1958510024	073579327	HÀU THỊ HUỆ	06/03/2001	Nữ	Mông	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
264	DTN1958510003	091972197	NGUYỄN VĂN HƯỚNG	16/04/2001	Nam	Sán Dìu	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
265	DTN1958510032	091972435	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	02/09/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
266	DTN1958510001	092011475	HOÀNG THỊ THU HOÀI	18/11/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7440301	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
267	DTN1958510027	045270143	LÒ THỊ CHOM	20/01/2000	Nữ	Mảng	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850103	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
268	DTN1958510025	019201000052	TRƯƠNG QUỐC KHÁNH	01/12/2001	Nam	Nùng	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
269	DTN1958510021	063539826	VÀNG A KHAY	12/03/2001	Nam	HMông	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
270	DTN1958510010	091870155	TRẦN TUẤN LINH	08/07/1995	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
271	DTN1958510007	092015677	ĐÀO THỊ PHƯƠNG LINH	30/09/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
272	DTN1958510006	085062184	HOÀNG VIỆT LONG	18/06/1998	Nam	Tày	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
273	DTN1958510031	958510031	NGUYỄN THỊ HẢI NGỌC	12/11/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
274	DTN1958510017	092012705	TRẦN QUANG NINH	04/01/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
275	DTN1958510022	026301003570	HÀ THỊ PHƯƠNG	21/03/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
276	DTN1958510028	085903710	NÔNG THỊ PHƯƠNG	07/09/2000	Nữ	Nùng	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
277	DTN1958510014	061104355	NGÔ NHẬT QUÂN	22/12/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
278	DTN1953060015	040907064	LÝ CÁO QUÁNG	06/05/2001	Nam	Dao	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
279	DTN1958510011	092000388	ĐÀM NGỌC TÂN	05/12/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
280	DTN1958510013	001201038882	LÊ DUY THÁI	08/10/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
281	DTN1958510004	958510004	PHẠM ĐỨC THỌ	20/11/1997	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
282	DTN1958510016	187844592	TRINH QUỐC TOÀN	13/12/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
283	DTN1958510005	071062914	NGUYỄN THẾ TÔN	01/10/2000	Nam	Tây	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
284	DTN1958510033	187764358	NGUYỄN ANH TUẤN	20/03/2001	Nam	Thổ	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
285	DTN1958510026	091972459	NGUYỄN HOÀNG TÙNG	25/10/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
286	DTN1958510019	187972321	VŨ THỊ THU UYÊN	24/07/2001	Nữ	Thổ	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
287	DTN1958510015	082393388	LƯƠNG TUẤN VŨ	22/12/2001	Nam	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
288	DTN1958510023	073610586	VÀNG MỸ XUÂN	22/12/2000	Nữ	Dao	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
289	DTN1958510009	092006030	NGUYỄN HẢI YẾN	05/11/2001	Nữ	Kinh	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
290	DTN1952050004	022301001745	BÙI THỊ HẢO	30/04/2001	Nữ	Kinh	Quản lý thông tin	7320205	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
291	DTN1952050008	045223744	LÒ VĂN HIẾU	02/07/2001	Nam	Thái	Quản lý thông tin	7320205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
292	DTN1952050001	095295354	TRIỆU DU HÌNH	02/09/2001	Nam	Dao	Quản lý thông tin	7320205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
293	DTN1952050006	095293337	NÔNG MINH HOÀNG	19/12/2001	Nam	Tây	Quản lý thông tin	7320205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
294	DTN1952050005	061161745	ĐẶNG TÒN KHÉ	21/03/2001	Nam	Dao	Quản lý thông tin	7320205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
295	DTN1952050010	045261369	LÒ VĂN NƯỚC	28/10/2000	Nam	Mảng	Quản lý thông tin	7320205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
296	DTN1952050007	061108304	GIÀNG A PÁO	19/05/2001	Nam	Mông	Quản lý thông tin	7320205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
297	DTN1952050003	095279754	TRẦN HỮU PHÚC	04/09/2001	Nam	Tày	Quản lý thông tin	7320205	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
298	DTN1952050002	095306029	BÙI DƯƠNG THẾ	30/03/2001	Nam	Dao	Quản lý thông tin	7320205	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
299	DTN1952050009	091977737	NGUYỄN MINH THIÊN	12/04/1998	Nam	Tày	Quản lý thông tin	7320205	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
300	DTN1953050031	091931337	NGUYỄN VĂN AN	03/05/2001	Nam	Sán Dìu	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
301	DTN1953050009	092000380	BÙI ĐỨC ANH	22/04/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
302	DTN1953050048	045201925	BẢO LÊ QUÝ	21/10/2000	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
303	DTN1953050029	091999632	ĐẶNG NHẬT CƯ	10/08/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
304	DTN1953050035	092000794	TRẦN VĂN CƯỜNG	05/03/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
305	DTN1953050043	071069537	MA ĐĂNG ĐIỂM	14/04/2001	Nam	Tày	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
306	DTN1953050036	091883958	NGUYỄN TRẦN NGỌC DIỆP	08/11/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
307	DTN1953050011	092016805	NGUYỄN THỊ THUY DUNG	30/01/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
308	DTN1953050015	071084179	QUÁCH THUY DƯƠNG	11/04/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
309	DTN1953050003	953050003	PHẠM CHÍ DUY	24/05/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
310	DTN1953050010	091974366	NGUYỄN CAO KỲ DUYỀN	22/01/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
311	DTN1953050007	092010839	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	07/12/2001	Nữ	Nùng	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
312	DTN1953050012	092007300	NGUYỄN HỒNG HANH	12/07/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
313	DTN1953050005	061115932	DƯƠNG THỊ THU HIỀN	21/03/2001	Nữ	Tày	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
314	DTN1953050013	091973452	NGUYỄN THỊ HIỀN	13/01/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
315	DTN1953050001	091977081	BÙI THỊ HOA	18/11/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
316	DTN1953050004	091883034	NGUYỄN HUY HOÀNG	07/09/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
317	DTN1953050030	092061783	NGO VẤN	28/03/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
318	DTN1953050018	095258889	NGO LỘC KHÁNH	27/03/2001	Nữ	Nùng	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
319	DTN1953050040	091898157	TRƯƠNG DUY	01/08/2001	Nam	Sán Dìu	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
320	DTN1953050044	953050044	LÊ QUANG	30/11/2000	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
321	DTN1953050014	091935267	TRẦN MẠNH	06/09/2000	Nam	Nùng	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
322	DTN1953050033	187862327	THÁI VẤN	20/08/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
323	DTN1953050025	091947564	CHU THỊ	20/09/2001	Nữ	Sán Dìu	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
324	DTN1953050038	073555685	SÙNG THỊ	24/11/2001	Nữ	H'Mông	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
325	DTN1953050023	051108613	NGUYỄN THỊ NGỌC	29/08/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
326	DTN1953050041	095275638	NÔNG VĂN	25/02/2001	Nam	Tày	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
327	DTN1953050032	092006642	NGUYỄN THỊ HÀ	03/02/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
328	DTN1953050027	071114816	CHÁU VĂN	21/10/2001	Nam	Tày	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
329	DTN1953050050	092010180	PHÙNG XUÂN	24/05/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
330	DTN1953050037	092012523	NGUYỄN VĂN	14/09/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
331	DTN1953050042	091989366	MÔNG THÀNH	08/11/2001	Nam	Tày	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
332	DTN1953050028	091977714	CHU ĐẠI	31/12/2001	Nam	Sán Chỉ	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
333	DTN1953050024	091883975	HÀ MẠNH	21/10/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
334	DTN1953050020	085916374	LƯU THƯƠNG	05/05/2001	Nữ	Tày	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
335	DTN1953050017	061119195	HOÀNG THANH	02/02/2001	Nữ	Cao Lan	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
336	DTN1953050034	061159908	PHẠM KHÁNH	26/10/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
337	DTN1953050045	085504648	ĐÀM THỊ	07/10/2001	Nữ	Tày	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
338	DTN1953050006	18788636	HÀ VĂN	27/10/2001	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
339	DTN1953050019	187808822	PHẠM VĂN	16/03/2000	Nam	Kinh	Thú y	7640101	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
340	DTN1953050026	091978291	TRẦN NGỌC	13/03/2001	Nam	Nùng	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
341	DTN1953050039	092000216	NGUYỄN THẢO	06/06/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
342	DTN1953050016	092001942	PHAN THANH	04/12/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
343	DTN1953050002	091924693	NGUYỄN THỊ HẢI	16/04/2001	Nữ	Kinh	Thú y	7640101	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
344	DTN1955150001	001300017691	TRẦN THỊ	03/12/2000	Nữ	Kinh	Bảo vệ thực vật	7620112	1326/QĐ-ĐHTN ngày 08/8/2019	Theo kết quả thi THPT đợt 1
345	DTN1955150002	082323093	VI THẾ	05/10/1999	Nam	Tày	Bảo vệ thực vật	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
346	DTN1953070015	092016723	ĐOÀN VĂN	26/09/2001	Nam	Sán Diu	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
347	DTN1953070007	085915026	NÔNG THỊ	01/10/2001	Nữ	Tày	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
348	DTN1953070009	091898178	TRẦN VĂN	24/10/2001	Nam	Kinh	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
349	DTN1953070004	091884077	VŨ THỊ THANH	16/10/2001	Nữ	Kinh	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
350	DTN1953070008	095281486	NÔNG THỊ	13/10/2001	Nữ	Nùng	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
351	DTN1953070010	091978286	BẾ HIỀN	21/11/2001	Nam	Tày	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
352	DTN1953070012	095270024	NÔNG KHÁNH	27/12/2001	Nữ	Tày	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
353	DTN1953070011	045221640	VÀNG CHÍ	07/03/2001	Nam	La Hù	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
354	DTN1953070014	045242619	LÝ TÝ	12/06/1999	Nam	Hà Nhì	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
355	DTN1953070002	061130674	ĐẶNG QUỐC	12/09/2001	Nam	Dao	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
356	DTN1953070005	091942848	ĐINH THỊ HOÀI	14/02/2001	Nữ	Kinh	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

TT	Mã sinh viên	Số CMTND	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Ngành đào tạo	Mã ngành	Số quyết định trúng tuyển	Phương thức xét tuyển
357	DTN1953070006	092016028	LÝ THỊ THU'	10/03/2001	Nữ	Sán Diu	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
358	DTN1953070016	095275115	HOÀNG THỊ THƯƠNG	26/09/2000	Nữ	Tày	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
359	DTN1953070003	095288777	NGUYỄN THANH THÚY	15/02/2001	Nữ	Kinh	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT
360	DTN1953070001	082362470	ĐÌNH VĂN TUYỀN	25/12/2001	Nam	Tày	Khoa học cây trồng	7620110	1124/QĐ-ĐT ngày 12/8/2019	Theo kết quả HT&RL THPT

Ấn định danh sách: 360 sinh viên./.

Trong đó:

1. Ngành Kinh doanh nông nghiệp: 03 sinh viên
2. Ngành Bất động sản: 07 sinh viên
3. Ngành Chăn nuôi: 34 sinh viên
4. Ngành Chăn nuôi (POHE): 28 sinh viên
5. Ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường: 01 sinh viên
6. Ngành Công nghệ sinh học: 07 sinh viên
7. Ngành Công nghệ thực phẩm: 18 sinh viên
8. Ngành Công nghệ thực phẩm (CTTT): 15 sinh viên
9. Ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm: 16 sinh viên
10. Ngành Khoa học môi trường: 21 sinh viên
11. Ngành Khoa học và quản lý môi trường (CTTT): 11 sinh viên
12. Ngành Kinh doanh quốc tế: 02 sinh viên
13. Ngành Kinh tế nông nghiệp: 12 sinh viên
14. Ngành Kinh tế nông nghiệp (CTTT): 05 sinh viên
15. Ngành Lâm sinh: 11 sinh viên
16. Ngành Nông nghiệp: 16 sinh viên
17. Ngành Quản lý đất đai: 28 sinh viên
18. Ngành Quản lý tài nguyên rừng: 16 sinh viên
19. Ngành Quản lý tài nguyên và môi trường: 38 sinh viên
20. Ngành Quản lý thông tin: 10 sinh viên
21. Ngành Thú y: 44 sinh viên
22. Ngành Khoa học cây trồng: 15 sinh viên
23. Ngành Bảo vệ thực vật: 02 sinh viên

**PHÓ TRƯỞNG BAN
PHỤ TRÁCH BAN ĐÀO TẠO**

(Signature)

PGS. TS. Nguyễn Xuân Trường

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 12 năm 2019



PGS. TS. Nguyễn Hữu Công